



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.03S.2025.1648>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thanh Hùng¹, Trần Đại Nghĩa² và Trịnh Thị Mỹ Hiếu^{3*}

¹*Khoa Tâm lý và giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam*

²*Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

³*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: myhieutrinhthi@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 22/8/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/9/2025; Ngày duyệt đăng: 06/10/2025

Tóm tắt

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ là một quá trình có tổ chức nhằm định hướng việc hình thành nhận thức, suy nghĩ, thái độ, thói quen và hành động đúng đắn ở trẻ. Mục đích chính là giúp trẻ linh hoạt xử lý các tình huống trong cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và đạt hiệu quả cao. Để đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, tác giả tiến hành nghiên cứu, khảo sát 296 người tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng xoài (bao gồm 266 giáo viên và 30 cán bộ quản lý), kết hợp với phỏng vấn sâu. Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn chỉ đạt mức khá, đồng thời bộc lộ nhiều hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, công tác phối hợp và điều kiện hỗ trợ. Những phát hiện này là cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp cho các trường mầm non tại Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Từ khóa: *Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động, quản lý, trường mầm non.*

Trích dẫn: Nguyễn, T. H., Trần, Đ. N., & Trịnh, T. M. H. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(03S), 335-348. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.03S.2025.1648>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT STATUS OF LIFE SKILLS EDUCATION MANAGEMENT FOR CHILDREN IN KINDERGARTENS IN DONG XOAI CITY, BINH PHUOC PROVINCE

Nguyen Thanh Hung¹, Tran Dai Nghia², and Trinh Thi My Hieu^{3*}

¹Faculty of Psychology and Education, Hue University of Education, Vietnam

*²Faculty of Political Education and Educational Management, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

³Postgraduate student, Dong Thap University, Vietnam

**Corresponding author, Email: myhieutrinhthi@gmail.com*

Article history

Received: 22/8/2025; Received in revised form: 28/9/2025; Accepted: 06/10/2025

Abstract

The management of life skills education for preschool children is an organized process that guides the formation of appropriate awareness, thinking, attitudes, habits, and behaviors among young learners. Its primary aim is to help children flexibly handle real-life situations, meet school requirements, and achieve optimal outcomes. To assess the current status of managing life skills education activities in preschools in Dong Xoai City, Binh Phuoc Province, this study involved 296 participants (including 266 teachers and 30 administrators), supplemented with in-depth interviews. The findings reveal that the management of life skills education activities in the surveyed preschools is generally rated at a fairly good level, but still exposes several limitations in terms of goal implementation, content, methods, organizational forms, coordination, and supporting conditions. These results serve as a foundation for proposing appropriate management measures to improve the quality of life skills education in preschools in Dong Xoai City, Binh Phuoc Province.

Keywords: *Activities, life skills education, managers, preschools.*

1. Giới thiệu

Giáo dục mầm non là bậc học khởi đầu, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất, trí tuệ, tình cảm và thẩm mỹ. Trong xã hội hiện nay, việc trang bị kỹ năng sống (KNS) cho trẻ ở giai đoạn “vàng” này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp trẻ biết thích ứng, ứng phó linh hoạt với những tình huống trong cuộc sống và hạn chế rủi ro. Giáo dục KNS không chỉ trang bị tri thức mà còn hình thành thái độ, thói quen và hành vi tích cực, góp phần rèn luyện tính tự lập, năng lực cá nhân và tinh thần hợp tác của trẻ.

Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, ngày 04 tháng 11 năm 2013, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu tổng quát, trong đó chú trọng việc “giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân” và mục tiêu cụ thể đối với giáo dục mầm non là “giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục. (Ban chấp hành Trung ương, 2013)

Nghị quyết cũng đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, đó là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ lấy người dạy làm trung tâm sang phương pháp lấy người học làm trung tâm. (Ban chấp hành Trung ương, 2013).

Ngày 28 tháng 01 năm 2015 tại công văn số 463/BGDĐT- GDTX, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đưa ra nội dung giáo dục KNS cho trẻ mầm non là: “Giúp trẻ nhận thức về bản thân: sự tự tin, tự lực, thực hiện những quy tắc an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản, hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết: thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó, hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình, bạn bè và môi trường”. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Thông tư đưa ra mục tiêu của giáo dục mầm non là “giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những KNS cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời”. Như vậy, việc giáo dục KNS cho trẻ được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, chú trọng và là một trong các nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021)

Hiện nay, hoạt động giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đang triển khai thực hiện lồng ghép dạy trẻ ở mọi lúc mọi nơi khi có điều kiện, cơ hội phù hợp. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục KNS cho trẻ chưa được quan tâm thỏa đáng, thiếu nhất quán, đồng bộ, chưa thống nhất, công tác tổ chức còn rời rạc, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa có chiều sâu. Do đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) mầm

non chưa nhận thức được tầm quan trọng của KNS đối với sự phát triển của trẻ, chưa có giải pháp tối ưu để đưa giáo dục KNS vào kế hoạch giáo dục, bên cạnh đó sự quan tâm của cha mẹ trẻ trong việc giáo dục KNS cho trẻ còn nhiều hạn chế, do địa bàn thành phố Đồng Xoài là một thành phố mới thành lập, cha mẹ trẻ đa số làm nghề công nhân, làm thuê và buôn bán nhỏ, trình độ dân trí chưa cao, đời sống kinh tế thấp, việc giáo dục KNS cho trẻ chưa được cha mẹ trẻ quan tâm. Từ những nguyên nhân trên nên kết quả giáo dục KNS cho trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn chưa đáp ứng được mục tiêu đào tạo.

Từ góc nhìn quản lý giáo dục, có thể khẳng định rằng việc trang bị KNS cho trẻ mầm non giữ vai trò vô cùng quan trọng, giúp trẻ hình thành sự tự tin, chủ động và khả năng ứng phó linh hoạt trước những tình huống, khó khăn trong cuộc sống. Điều này không chỉ góp phần phát triển năng lực cá nhân mà còn tạo nền tảng để trẻ hòa nhập xã hội một cách tích cực. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo tập trung phân tích và làm rõ công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu

Giáo dục KNS từ lâu đã trở thành chủ đề được quan tâm tại nhiều quốc gia phát triển, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, công nghệ và xã hội hiện đại đặt ra nhiều thách thức mới đối với thế hệ trẻ. Theo nghiên cứu của tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì cho rằng: “KNS là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hằng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hằng ngày” (WHO, 1996). Tuy có những khác biệt về hình thức và nội dung, điểm chung nổi bật ở các quốc gia là xem giáo dục KNS là nền tảng để hình thành nhân cách, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và hội nhập xã hội của trẻ. Kinh nghiệm quốc tế cung cấp những khung lý luận và thực tiễn giá trị có thể vận dụng phù hợp trong điều kiện giáo dục Việt Nam.

Tại Việt Nam, từ năm 2013 đến nay, giáo dục KNS, đặc biệt ở lứa tuổi mầm non, đã nhận được sự quan tâm ngày càng lớn của giới nghiên cứu, các nhà quản lý giáo dục và đội ngũ GV. Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW, việc lồng ghép KNS trong chương trình giáo dục mầm non trở thành yêu cầu thiết yếu. (Ban chấp hành Trung ương, 2013).

Bên cạnh đó, Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT quy định cụ thể về việc quản lý và tổ chức giáo dục KNS trong các cơ sở giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014). Luật giáo dục được sửa đổi, bổ sung gần đây nhất tại Điều 29, Luật giáo dục 2019 đã xác định mục tiêu của giáo dục phổ thông: “Mục tiêu của giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học lên hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Quốc hội, 2019); Điều 48, Luật trẻ em 2016 qui định “cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, GV, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ để bảo đảm trẻ em được an toàn; giáo dục, tư vấn kiến thức, giáo dục tự bảo vệ cho trẻ em; Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em”. (Quốc hội, 2016).

Nhóm tác giả Bùi & cs. (2006) cho rằng quản lý giáo dục là một quá trình tác động có mục đích, kế hoạch và tổ chức nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong giáo dục. Tài liệu cung cấp những cơ sở lý luận quan trọng về nguyên tắc, chức năng và nội dung quản lý giáo dục. Đây

là nguồn tham khảo nền tảng cho nghiên cứu và thực tiễn quản lý trong các cơ sở giáo dục ở Việt Nam.

Tác giả Nguyễn (2011) cho rằng KNS không thể thiếu được trong quá trình giáo dục thế hệ trẻ. Tác giả làm rõ đặc tính của KNS, trong đó KNS bao hàm kỹ năng xã hội, là kỹ năng thiết lập, duy trì, củng cố các mối tương tác xã hội.

Theo Trần và Nguyễn (2015) cho rằng đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục là nền tảng quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục. Tác giả nhấn mạnh vai trò của quản lý trong việc tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động giáo dục nhằm đạt mục tiêu phát triển toàn diện. Cuốn sách đồng thời cung cấp cơ sở lý luận cho việc vận dụng quản lý vào thực tiễn giáo dục hiện nay.

Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã có những đóng góp thiết thực về mặt lý luận và thực tiễn hoạt động giáo dục KNS: Tác giả khẳng định rằng trò chơi học tập là một phương tiện quan trọng để phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo lớn. Từ đó, đã đề xuất một số biện pháp tổ chức trò chơi phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, giúp trẻ hứng thú và chủ động hơn trong học tập. Đây là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đổi mới phương pháp giáo dục mầm non theo hướng phát triển năng lực (Nguyễn, 2003). Tác giả Vũ (2016) khẳng định rằng trò chơi đóng vai có chủ đề là phương pháp hiệu quả giúp trẻ 5-6 tuổi rèn luyện kỹ năng hợp tác. Nghiên cứu cho thấy trẻ được hình thành thói quen giao tiếp, phối hợp và chia sẻ thông qua hoạt động này. Theo Phan (2022) cho rằng việc quản lý giáo dục KNS thông qua hoạt động trải nghiệm tại các trường mầm non giúp trẻ phát triển tính tự lập và khả năng thích ứng. Nghiên cứu giáo dục nhấn mạnh vai trò của người quản lý trong định hướng và tổ chức hoạt động để đạt hiệu quả cao.

Mặc dù đã có nhiều công trình đề cập lý luận và thực tiễn giáo dục KNS cho trẻ mầm non, nhưng các nghiên cứu tập trung vào công tác quản lý hoạt động này trong bối cảnh địa phương cụ thể, như thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, hiện còn rất hạn chế. Do vậy, nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNS cho trẻ tại địa phương này là cần thiết và có tính mới, góp phần bổ sung vào thực tiễn giáo dục địa phương và quốc gia.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Mục đích khảo sát: Khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động giáo dục KNS ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNS ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trong giai đoạn hiện nay.

- Nội dung khảo sát: Tập trung khảo sát các nội dung như Thực trạng hoạt động giáo dục KNS ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNS ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Khách thể khảo sát: Tác giả tiến hành lấy ý kiến đánh giá 30 CBQL (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) và 266 GV các của 10 trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Thời gian khảo sát: Khảo sát được thực hiện từ tháng 5/2025 đến tháng 7/2025.

- Địa bàn khảo sát: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 10 trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước gồm: Trường Mầm non Hoa Cúc, Trường Mầm non Hoa Đào, Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Hoa Huệ, Trường Mầm non Hoa Lan, Trường Mầm non Hoa Mai, Trường Mầm non Hoa Mi, Trường Mầm non Hoa Phượng Trường Mầm non Hoa Sen, Trường Mầm non Hướng Dương

- Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi, kết hợp với phương pháp phỏng vấn sâu một số CBQL và GV nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNS các trường mầm non.

- Công cụ và xử lý số liệu khảo sát: Để đo lường kết quả khảo sát, chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 đến 5 để thiết kế phiếu khảo sát và các phương án trả lời. Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua bảng tính Microsoft Office Excel Data Analysis để tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Khoảng cách giữa các mức độ được tính theo công thức $[(\max - \min) : 5] = (5 - 1) / 5 = 0,8$. Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ của từng yếu tố dựa vào giá trị ĐTB như sau:

Mức 1: $1,00 < \text{ĐTB} < 1,81$ (Hoàn toàn không đồng ý/Hoàn toàn không tốt).

Mức 2: $1,81 < \text{ĐTB} < 2,60$ (Không đồng ý/Trung bình).

Mức 3: $2,61 < \text{ĐTB} < 3,40$ (Tương đối đồng ý/Tương đối tốt).

Mức 4: $3,41 < \text{ĐTB} < 4,20$ (Đồng ý/Tốt).

Mức 5: $4,21 < \text{ĐTB} < 5,0$ (Rất đồng ý/ Rất tốt).

4. Kết quả khảo sát

4.1. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kết quả thực hiện quản lý mục tiêu hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

STT	Quản lý các mục tiêu giáo dục KNS	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Đặc điểm của trẻ (kỹ năng và kinh nghiệm sống)	3,79	0,86	5	3,88	0,94	3
2	Mục tiêu, nội dung, chương trình học của năm học, học kỳ	4,10	0,90	2	4,07	0,82	2
3	Điều kiện và phương tiện	3,90	0,94	3	3,85	0,94	4
4	Xác định thực trạng KNS của trẻ tại đơn vị	3,83	0,80	4	3,79	0,94	5
5	Tổ chức thảo luận trong tổ chuyên môn (thống nhất về mục tiêu giáo dục KNS cho từng chủ đề và nội dung hoạt động)	3,79	0,86	5	3,81	0,98	6
6	Chỉ đạo các bộ phận hỗ trợ giảng dạy (công tác hành chính, phòng chức năng và các thiết bị dạy học)	4,14	0,88	1	4,13	0,79	1
ĐTB chung		3,93			3,92		

Kết quả khảo sát trong Bảng 1 cho thấy công tác quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ mầm non tại các trường ở thành phố Đồng Xoài được đánh giá ở mức khá tốt. Cụ thể, điểm trung bình chung từ phía CBQL là 3,93 và từ GV là 3,92 trên thang điểm 5. Điều này thể hiện sự đồng thuận khá cao giữa hai nhóm về mức độ triển khai các mục tiêu giáo dục KNS trong thực tiễn nhà trường.

Trong đó, nội dung được đánh giá cao nhất từ cả hai phía là “Mục tiêu, nội dung, chương trình học của năm học, học kỳ”, với trung bình chung 4,10 (CBQL) và 4,07 (GV), cho thấy nhà trường đã quan tâm đúng mức đến việc xác định và thực hiện mục tiêu giáo dục KNS một

cách bài bản, sát với chương trình giáo dục mầm non. Tiếp theo là nội dung “Chỉ đạo các bộ phận hỗ trợ giảng dạy” như công tác hành chính, cơ sở vật chất, với trung bình chung 4,14 (CBQL) và 4,13 (GV), phản ánh vai trò tích cực của nhà quản lý trong việc tạo điều kiện thực thi mục tiêu giáo dục KNS.

Tuy nhiên, một số nội dung vẫn còn hạn chế. Chẳng hạn, việc “Xác định thực trạng KNS của trẻ tại đơn vị” được CBQL đánh giá thấp nhất với điểm trung bình 3,83 (xếp thứ 6), cho thấy công tác khảo sát đầu vào còn chưa đồng bộ hoặc chưa được chú trọng đúng mức. Từ phía GV, nội dung “Đặc điểm của trẻ (kỹ năng và kinh nghiệm sống)” cũng có mức đánh giá thấp nhất (ĐTB 3,88), phản ánh thực tế rằng GV vẫn còn gặp khó khăn trong việc nhận diện và cá thể hóa mục tiêu giáo dục KNS theo đặc điểm riêng của từng trẻ.

Đáng chú ý, độ lệch chuẩn của một số nội dung khá cao, chẳng hạn như nội dung “Tổ chức thảo luận tổ chuyên môn về mục tiêu giáo dục KNS” có độ lệch chuẩn là 0,86 (CBQL) và 0,98 (GV), cho thấy sự khác biệt đáng kể trong mức độ triển khai giữa các cơ sở giáo dục. Điều này cho thấy cần tăng cường công tác thống nhất chuyên môn, trao đổi nội bộ và chia sẻ kinh nghiệm để đồng bộ hóa việc thực hiện các mục tiêu giáo dục KNS.

Cô P.T.N.H cho biết: Tôi thường xuyên chỉ đạo các bộ phận hỗ trợ chuyên môn phối hợp trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Mức độ phối hợp giữa các tổ, bộ phận như hành chính, thiết bị, tổ chuyên môn nhìn chung khá tốt. Tuy nhiên, một số khó khăn vẫn còn, như GV còn lúng túng trong việc xác định đúng trọng tâm kỹ năng phù hợp với từng nhóm tuổi; để nâng cao hiệu quả thực hiện mục tiêu giáo dục KNS, trước hết cần xây dựng công tác tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, gắn với KNS cho GV vận dụng linh hoạt các nội dung khi tổ chức hoạt động GDKNS.

Theo phỏng vấn của 1 GV cô P.T.P.T cho biết: Thật ra với GV như chúng tôi, việc xác định mục tiêu KNS cho trẻ thường được bám theo chương trình và kế hoạch năm học. Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy, có nhiều tình huống khiến chúng tôi phải điều chỉnh linh hoạt, ví dụ như năng lực tiếp nhận của trẻ chưa đồng đều hoặc môi trường tổ chức chưa phù hợp với yêu cầu kỹ năng cần đạt. Chúng tôi được ban giám hiệu hỗ trợ khá tốt trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện mục tiêu. Nhà trường cũng có tổ chức họp tổ chuyên môn để chúng tôi cùng trao đổi, chia sẻ cách triển khai theo chủ đề. Tuy nhiên, tôi nghĩ nên rất cần sự định hướng chuyên môn từ tổ chuyên môn và CBQL. Nếu có sự chỉ đạo sát hơn và điều kiện tổ chức đầy đủ, GV sẽ chủ động và tự tin hơn khi xác định và thực hiện các mục tiêu giáo dục KNS.

Tóm lại, mặc dù các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài đã bước đầu thực hiện tốt công tác quản lý mục tiêu giáo dục KNS cho trẻ, nhưng vẫn còn một số bất cập như thiếu khảo sát thực trạng KNS của trẻ, sự chưa đồng đều trong triển khai giữa các trường. Vì vậy, trong thời gian tới, cần chú trọng hơn vào việc xây dựng công cụ đánh giá thực trạng, tăng cường thảo luận chuyên môn và phối hợp giữa các bộ phận trong nhà trường để nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện mục tiêu giáo dục KNS một cách thiết thực, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non.

4.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kết quả thực hiện quản lý nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

STT	Quản lý nội dung giáo dục KNS	ĐTB	ĐLC	TH
1	Phổ biến chương trình hoạt động giáo dục KNS do Bộ, Sở, Phòng giáo dục quy định	4,28	0,88	1

STT	Quản lý nội dung giáo dục KNS	ĐTB	ĐLC	TH
2	Xác định hệ thống KNS phù hợp với trẻ mầm non	4,28	0,84	1
3	Tổ chức, chỉ đạo tổ chuyên môn, GV xây dựng kế hoạch theo chủ đề giáo dục KNS	4,17	0,89	4
4	Tập huấn, phổ biến nội dung các KNS cơ bản cần giáo dục trẻ cho GV	4,14	0,88	5
5	Chỉ đạo GV lựa chọn những KNS đơn giản, gần gũi, thiết thực với cuộc sống của trẻ, phù hợp với khả năng, kinh nghiệm của trẻ	4,24	0,83	2
6	Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nội dung giáo dục KNS để kịp thời đánh giá và góp ý điều chỉnh	4,21	0,90	3
ĐTB chung		4,22		

Bảng 2 cho thấy rằng công tác quản lý nội dung hoạt động giáo dục KNS cho trẻ mầm non được CBQL đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình chung là 4,22 trên thang điểm 5, và độ lệch chuẩn là 0,87 – phản ánh sự đồng thuận tương đối giữa các cán bộ về mức độ thực hiện các nội dung quản lý.

Cụ thể, hai nội dung được đánh giá cao nhất, cùng đạt điểm trung bình 4,28, là: “Phổ biến chương trình hoạt động giáo dục KNS do Bộ, Sở, Phòng Giáo dục quy định” và “Xác định hệ thống KNS phù hợp với trẻ mầm non”, xếp đồng hạng nhất. Điều này cho thấy các nhà quản lý đã chú trọng phổ biến kịp thời văn bản chỉ đạo từ cấp trên và xác lập được hệ thống kỹ năng cơ bản để triển khai trong nhà trường phù hợp với đặc điểm lứa tuổi mầm non. Đây là nền tảng quan trọng đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện giáo dục KNS.

Tiếp theo là nội dung “Tổ chức, chỉ đạo tổ chuyên môn, GV xây dựng kế hoạch theo chủ đề giáo dục KNS” với điểm trung bình 4,17 (xếp hạng 4). Điều này cho thấy hoạt động xây dựng kế hoạch KNS được chú trọng, tuy nhiên vẫn còn chênh lệch nhẹ trong cách triển khai giữa các đơn vị, thể hiện qua độ lệch chuẩn là 0,93.

Nội dung “Tập huấn, phổ biến nội dung KNS cơ bản cần giáo dục cho GV” cũng được đánh giá khá tốt với độ lệch chuẩn 4,14, cho thấy các nhà trường đã quan tâm đến công tác nâng cao năng lực chuyên môn cho GV. Tuy vậy, thứ hạng thấp (xếp 5) phản ánh thực tế rằng nội dung này vẫn cần được thực hiện bài bản, đồng đều hơn.

Cuối cùng, nội dung “Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nội dung giáo dục KNS để kịp thời đánh giá và điều chỉnh” đạt điểm trung bình 4,20, xếp thứ 3, cho thấy hoạt động giám sát, đánh giá đã được triển khai tương đối hiệu quả, song vẫn cần đẩy mạnh hơn ở tính kịp thời và chiều sâu.

Cô P.T.N.H cho biết theo tôi, ban giám hiệu đã thực hiện khá tốt việc phổ biến chương trình và chỉ đạo chuyên môn về giáo dục KNS. Các nội dung KNS được triển khai theo chủ đề, có hướng dẫn rõ ràng, và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Tuy nhiên, việc tập huấn chuyên sâu cho GV vẫn còn ít và đôi khi kế hoạch triển khai giữa các lớp chưa thật đồng bộ. Tôi nghĩ nhà trường cần tăng cường kiểm tra, hỗ trợ kịp thời, cũng như tạo điều kiện để GV được chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận nội dung kỹ năng mới phù hợp với thực tiễn hơn.

Tổng thể, các CBQL đánh giá việc quản lý nội dung hoạt động giáo dục KNS tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài đang được thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế cần cải thiện, đặc biệt là trong việc lựa chọn nội dung KNS phù hợp với đặc điểm riêng của trẻ và hỗ trợ GV triển khai linh hoạt, sáng tạo. Việc tập huấn chuyên sâu cho

GV, tăng cường kiểm tra điều chỉnh và phân tích sâu thực trạng của trẻ sẽ là hướng quan trọng để nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý nội dung giáo dục KNS trong thời gian tới.

4.3. Thực trạng quản lý thực hiện phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

4.3.1 Thực trạng quản lý phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kết quả thực hiện quản lý phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

STT	Quản lý các phương pháp giáo dục KNS	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Kiến thức sâu rộng về các phương pháp dạy học	4,10	0,90	2	3,93	0,86	4
2	Kế hoạch đổi mới phương pháp giáo dục KNS	3,86	0,88	3	4,05	0,81	1
3	Đảm bảo các điều kiện cần thiết cho đổi mới phương pháp	4,14	0,88	1	3,93	0,86	2
4	Tạo phong trào đổi mới phương pháp giáo dục KNS	3,66	0,90	4	4,05	0,81	3
5	Lấy trẻ làm trung tâm trong quá trình đổi mới phương pháp	4,10	0,94	2	4,05	0,81	5
ĐTB chung		3,97			3,93		

Bảng 3 phản ánh thực trạng quản lý phương pháp tổ chức hoạt động GDKNS cho trẻ mầm non. Điểm trung bình đánh giá của CBQL là 3,97, trong khi GV đánh giá thấp hơn một chút là 3,93, cho thấy nhận thức chung về công tác quản lý phương pháp đã tương đối tốt.

Trong các nội dung khảo sát, đảm bảo điều kiện cần thiết cho đổi mới phương pháp được đánh giá cao nhất (CBQL: 4,14; GV: 4,06), phản ánh sự quan tâm của nhà trường đến môi trường, thiết bị, tài liệu... phục vụ triển khai phương pháp dạy học mới. Đồng thời, nội dung lấy trẻ làm trung tâm trong quá trình đổi mới phương pháp giáo dục KNS cũng đạt điểm cao (CBQL: 4,10; GV: 3,94), cho thấy có sự chú trọng đến việc cải tiến, điều chỉnh phương pháp sau thực tiễn giảng dạy.

Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp giáo dục KNS lại được đánh giá thấp nhất (CBQL: 3,86; GV: 3,85), cho thấy công tác này vẫn còn mang tính hình thức, thiếu cụ thể hoặc chưa sát với thực tế. Bên cạnh đó, tạo phong trào đổi mới phương pháp cũng được đánh giá ở mức trung bình khá (CBQL: 3,66; GV: 3,90), phản ánh rằng hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong phương pháp giảng dạy KNS chưa lan tỏa mạnh trong toàn bộ đội ngũ.

Theo phỏng vấn Cô B. T. L. cho biết: Hiện nay, nhà trường đã có sự quan tâm nhất định đến việc đổi mới phương pháp giáo dục KNS, như tổ chức sinh hoạt chuyên môn, định hướng các phương pháp phù hợp với trẻ. Tuy nhiên, việc đào tạo chuyên sâu về phương pháp mới còn hạn chế, GV chủ yếu học hỏi lẫn nhau hoặc tự tìm hiểu. Ngoài ra, các điều kiện hỗ trợ như đồ dùng, môi trường tổ chức hoạt động chưa đầy đủ. Tôi mong rằng nhà trường tăng cường bồi dưỡng, hỗ trợ thiết bị và khuyến khích sự sáng tạo để GV có thể vận dụng linh hoạt hơn trong dạy KNS cho trẻ.

4.3.2. Thực trạng quản lý hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kết quả thực hiện quản lý hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống

STT	Quản lý hình thức giáo dục KNS	ĐTB	ĐLC	TH
1	Tổ chức các buổi thảo luận về đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNS	4,07	0,92	3
2	Đảm bảo điều kiện và trang thiết bị cần thiết	3,83	0,89	4
3	Khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm và lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp	4,10	0,90	2
4	Tạo không khí thi đua và khuyến khích nhiệt tình từ phía GV	3,52	1,09	5
5	Đánh giá và cải tiến liên tục	4,17	0,80	1
ĐTB chung		3,94		

Bảng khảo sát 4 phản ánh thực trạng quản lý hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNS tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài. Kết quả cho thấy mức độ thực hiện được đánh giá tương đối cao, với điểm trung bình chung đạt 3,94, độ lệch chuẩn 0,92, phản ánh sự đồng thuận tương đối giữa các CBQL trong việc thực hiện các nội dung quản lý liên quan.

Trong số các nội dung khảo sát, công tác đánh giá và cải tiến liên tục hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNS được đánh giá cao nhất (ĐTB: 4,17) cho thấy các đơn vị đã chú trọng đến việc rà soát, điều chỉnh để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu phát triển kỹ năng của trẻ. Tiếp đến là khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm và lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp (ĐTB: 4,10), phản ánh tinh thần cởi mở, khuyến khích sáng tạo trong công tác tổ chức và lựa chọn hình thức KNS phù hợp với từng chủ đề, từng nhóm tuổi.

Các nội dung như tổ chức thảo luận chuyên môn về đa dạng hóa hình thức tổ chức giáo dục KNS (ĐTB: 4,07) và đảm bảo điều kiện, trang thiết bị cần thiết (ĐTB: 3,83) được đánh giá ở mức khá. Tuy nhiên, mức điểm của các nội dung này vẫn chưa thật sự nổi bật, cho thấy hoạt động chuyên đề và điều kiện cơ sở vật chất cho tổ chức hình thức giáo dục kỹ năng vẫn còn hạn chế hoặc chưa được đầu tư đồng bộ. Đáng chú ý, nội dung có điểm thấp nhất là tạo không khí thi đua và khuyến khích tinh thần GV (ĐTB: 3,52), cho thấy yếu tố động lực nội bộ cho đội ngũ GV trong đổi mới hình thức tổ chức vẫn chưa được phát huy đúng mức.

Ban giám hiệu thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề và khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm chọn hình thức phù hợp với từng nội dung kỹ năng. Tuy nhiên, việc đảm bảo đầy đủ điều kiện về trang thiết bị và môi trường hỗ trợ vẫn còn hạn chế, đặc biệt là với các hoạt động ngoài lớp học. Tôi nghĩ nếu nhà trường tăng cường đầu tư và tạo động lực thi đua rõ ràng hơn, thì GV sẽ tích cực, sáng tạo hơn trong việc triển khai các hình thức giáo dục KNS cho trẻ.

Nhìn chung, công tác quản lý hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNS tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài đã có nhiều tín hiệu tích cực, nhất là ở khâu cải tiến, khuyến khích đổi mới và chia sẻ kinh nghiệm. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, cần chú trọng xây dựng môi trường thi đua tích cực, tổ chức nhiều hơn các hoạt động chuyên đề và đầu tư đầy đủ điều kiện hỗ trợ cho các hình thức KNS linh hoạt, đa dạng và phù hợp với trẻ. Để làm rõ thêm thực trạng này, tác giả đã tiến hành phỏng vấn 1 GV, cô cho biết ban giám hiệu thường

xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề và khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm chọn hình thức phù hợp với từng nội dung kỹ năng. Tuy nhiên, việc đảm bảo đầy đủ điều kiện về trang thiết bị và môi trường hỗ trợ vẫn còn hạn chế, đặc biệt là với các hoạt động ngoài lớp học. Tôi nghĩ nếu nhà trường tăng cường đầu tư và tạo động lực thi đua rõ ràng hơn, thì GV sẽ tích cực, sáng tạo hơn trong việc triển khai các hình thức giáo dục KNS cho trẻ.

4.4. Thực trạng quản lý phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực trạng quản lý phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng sống

TT	Quản lý phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNS	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Ban hành kế hoạch phối hợp các lực lượng điều hành hoạt động giáo dục KNS	3,72	0,88	1	4,10	0,76	1
2	Đổi mới cách thức phối hợp, phát huy tính tích cực, năng động cho các lực lượng tham gia thực hiện giáo dục KNS	3,41	1,02	5	4,10	0,84	5
3	Phát huy các thành tố của hoạt động giáo dục KNS	3,55	1,06	4	4,09	0,76	4
4	Phối hợp giải quyết vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục KNS	3,59	1,05	3	4,07	0,86	3
5	Kiểm tra, đánh giá đưa ra các khuyến cáo cho GV và các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNS cho trẻ mầm non	3,62	1,01	2	3,92	0,82	2
ĐTB chung		3,58			4,06		

Bảng 5 thể hiện thực trạng quản lý công tác phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNS tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài. Kết quả cho thấy có sự chênh lệch rõ rệt giữa đánh giá của CBQL và GV. Trong khi CBQL đánh giá mức độ thực hiện ở mức trung bình (điểm trung bình: 3,58), thì GV lại đánh giá cao hơn (4,06), với độ lệch chuẩn thấp hơn (CBQL: 1,00; GV: 0,81), cho thấy nhận thức của GV đồng đều hơn.

Trong khi đó, GV đánh giá cao ở nhiều mặt, đặc biệt là nội dung “Ban hành kế hoạch phối hợp” và “Phát huy các thành tố của hoạt động giáo dục KNS” đều đạt ĐTB từ 4,06 - 4,10, cho thấy GV nhìn nhận tích cực về vai trò chỉ đạo của nhà trường và sự tham gia của các lực lượng hỗ trợ.

Tuy nhiên, cả hai nhóm đều đánh giá chưa cao nội dung “Kiểm tra, đánh giá và đưa ra khuyến cáo cho GV và các lực lượng tham gia” (CBQL: 3,12; GV: 3,92). Điều này cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và phản hồi trong quá trình phối hợp còn yếu, ảnh hưởng đến hiệu quả và sự cải tiến liên tục của hoạt động giáo dục KNS. Theo phỏng vấn cô B.T.T.T cho biết: Theo tôi, hiện nay các trường mầm non đã chủ động ban hành kế hoạch phối hợp với các lực lượng như phụ huynh, chính quyền địa phương, các đoàn thể và tổ chức xã hội. Tuy nhiên, sự phối hợp vẫn còn hình thức ở một số đơn vị, chưa phát huy hết vai trò chủ động, sáng tạo từ các bên tham gia. Trong quá trình triển khai, chúng tôi còn gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực, tạo sự gắn kết lâu dài, nhất là với phụ huynh hoặc tổ chức ngoài nhà trường. Việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả phối hợp đôi khi chưa được chú trọng đúng mức. Tôi cho rằng để nâng cao hiệu quả quản lý, cần đổi mới cách thức phối hợp linh hoạt hơn, tổ chức nhiều hoạt

động có tính mở để các lực lượng cùng tham gia thực chất, từ đó hỗ trợ tốt hơn cho giáo dục KNS cho trẻ.

Từ đó có thể thấy, công tác phối hợp bước đầu đã hình thành nền tảng, tuy nhiên vẫn cần tăng cường đổi mới hình thức phối hợp, phát huy tính chủ động, tổ chức kiểm tra, đánh giá kịp thời và nâng cao năng lực điều phối của đội ngũ CBQL để đạt hiệu quả bền vững trong giáo dục KNS cho trẻ.

4.5. Thực trạng quản lý khai thác các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Các điều kiện hỗ trợ tốt hoạt động giáo dục KNS nhằm đánh giá thực trạng quản lý các điều kiện thực hiện giáo dục KNS chúng tôi tiến hành khảo sát và đạt kết quả ở bảng 6

Bảng 6. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kết quả thực hiện quản lý điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống

TT	Quản lý các điều kiện hỗ trợ giáo dục KNS	ĐTB	ĐLC	TH
1	Triển khai chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể	3,52	1,15	1
2	Quản lý tài chính hiệu quả và xã hội hóa giáo dục	3,48	1,18	2
3	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	3,52	1,15	3
4	Huy động và trang bị phương tiện dạy học	3,34	1,20	5
5	Xây dựng môi trường giáo dục tích cực	3,41	1,05	4
ĐTB chung		3,44		

Kết quả khảo sát về thực trạng quản lý phương tiện thực hiện hoạt động giáo dục KNS cho trẻ tại các trường mầm non cho thấy một số điểm quan trọng. Đầu tiên, việc triển khai chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể được đánh giá cao với ĐTB là 3,52, ĐLC là 1,15, TH là 1; cho thấy CBQL đã chú trọng trong việc hướng dẫn các GV về cách thức thực hiện chương trình giáo dục KNS. Điều này đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả trong việc triển khai các hoạt động giáo dục.

Ngoài ra, quản lý tài chính hiệu quả và xã hội hóa giáo dục cũng được đánh giá tương đối tốt với ĐTB là 3,48, ĐLC là 1,18, TH là 2; điều này cho thấy sự nỗ lực trong việc huy động nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, việc quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học chỉ ở mức trung bình với ĐTB là 3,52, ĐLC là 1,15, TH là 3, cho thấy cần cải thiện hơn nữa về mặt hạ tầng và trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Một vấn đề đáng chú ý là huy động và trang bị phương tiện dạy học cùng với việc xây dựng môi trường giáo dục tích cực còn có mức độ đánh giá thấp hơn, điều này có thể cản trở quá trình giáo dục KNS cho trẻ. Cuối cùng, hoạt động đánh giá và cải thiện liên tục cũng cần được chú trọng hơn để đảm bảo rằng các hoạt động giáo dục luôn được điều chỉnh và nâng cao chất lượng. Tổng thể, vẫn còn nhiều thách thức trong quản lý phương tiện thực hiện hoạt động giáo dục KNS cho trẻ, đòi hỏi sự quyết tâm và nỗ lực từ cả phía lãnh đạo và GV.

Để làm rõ thêm thực trạng này, tác giả đã tiến hành phỏng vấn 1 CBQL, 1 GV tại trường mầm non đều nhất trí rằng ban giám hiệu nhà trường có sự chỉ đạo cụ thể trong triển khai hoạt động giáo dục KNS, nhưng việc trang bị cơ sở vật chất và học liệu chuyên biệt cho KNS còn hạn chế. Đôi khi GV phải tự linh hoạt chuẩn bị đồ dùng phù hợp với từng nội dung. Về tài chính, nhà trường có cố gắng huy động từ nguồn xã hội hóa, tuy nhiên chưa thường xuyên nên chưa đáp ứng đủ cho các hoạt động trải nghiệm. Tôi nghĩ nếu có môi trường học tập mở, tích cực hơn, đặc biệt là ngoài lớp học, trẻ sẽ được rèn luyện KNS tốt hơn. GV rất cần được hỗ trợ thêm cả về thiết bị dạy học và ngân sách tổ chức hoạt động thực tế.

4.6. Đánh giá chung về thực trạng

Qua khảo sát có thể khẳng định rằng công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Ban giám hiệu các trường đã nhận thức đúng vai trò, ý nghĩa của giáo dục KNS trong việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho trẻ, từ đó chủ động đưa nội dung này vào kế hoạch giáo dục hằng năm, triển khai đến tổ chuyên môn và GV một cách tương đối đồng bộ, song vẫn còn tồn tại những bất cập cần khắc phục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục KNS cho trẻ trong thời gian tới:

Thứ nhất, một số ít CBQL, GV chưa quan tâm đến hoạt động giáo dục KNS cho trẻ dẫn tới có những nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng của hoạt động này, chỉ chú trọng giáo dục kiến thức, xem nhẹ hoạt động giáo dục KNS, dẫn đến công tác chỉ đạo chưa sâu sát, chưa xây dựng kế hoạch một cách khoa học và phù hợp với thực tiễn nên kết quả chưa cao.

Thứ hai, năng lực tổ chức hoạt động giáo dục KNS còn hạn chế, một bộ phận GV còn thiếu kỹ năng tổ chức, nhất là lồng ghép trong các hoạt động học GV thiếu kỹ năng tổ chức, nhất là các GV lớn tuổi không chịu thay đổi phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, xem hoạt động giáo dục KNS chỉ là hoạt động bổ trợ.

Thứ ba, các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động giáo dục KNS còn thiếu thốn, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức về CSVC, môi trường chưa được một số nhà trường đầu tư thích đáng, máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện đại còn hạn chế do ít kinh phí; tài liệu, sách tham khảo, văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng nên khó khăn trong việc lựa chọn nội dung, kinh phí hạn hẹp nên hoạt động giáo dục KNS chưa được phát huy mạnh mẽ.

Thứ tư, việc lập kế hoạch ở một số trường chủ yếu do CBQL tự xây dựng một cách chung chung, chỉ thể hiện được tầm nhìn chủ quan của CBQL, chưa huy động được sức mạnh trí tuệ, kinh nghiệm của tập thể, nên kết quả đạt được chưa cao. Trong quá trình triển khai thực hiện CBQL chưa theo sát kế hoạch, chưa kiểm tra, đôn đốc quan tâm, dẫn tới chưa có điều chỉnh kịp thời những nội dung bất cập. Việc huy động các nguồn lực và phối hợp giữa nhà trường, GV, cha mẹ trẻ trong công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS cho trẻ chưa thường xuyên.

Thứ năm, nhà trường chưa phát huy được vai trò chủ động trong việc hợp tác với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường, chưa xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình nên việc tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ của nhà trường và gia đình còn rời rạc, thiếu nội dung và biện pháp thống nhất, xử lý tình huống phát sinh trong thực tiễn có phần hạn chế.

Thứ sáu, phần lớn các cơ sở chưa xây dựng được chế độ khen thưởng riêng cho hoạt động này, việc ghi nhận chủ yếu chỉ dừng lại ở hình thức cộng điểm thi đua cuối năm. Một số trường thậm chí không triển khai do hạn chế về nguồn kinh phí và chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, Quản lý hoạt động giáo dục KNS đã được quan tâm triển khai ở các trường mầm non thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Về cơ bản CBQL và GV đã đánh giá rõ về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện của quá trình thực hiện mục tiêu, nội dung; phương pháp và hình thức tổ chức; phối hợp các lực lượng tham gia và các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNS hiện nay ở các trường mầm non. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các trường mầm non vẫn còn gặp nhiều khó khăn và bất cập. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả cho quản lý hoạt động giáo dục KNS thì các trường mầm non thành phố

Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước cần tập trung vào các biện pháp sau: Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL và GV về vai trò công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS cho trẻ tại các trường mầm non; Chỉ đạo các tổ chuyên môn vận dụng linh hoạt các nội dung khi tổ chức hoạt động giáo dục KNS phù hợp với đặc thù trẻ mầm non. Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ cho hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; Tăng cường công tác phối hợp các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho trẻ mầm non; Chú trọng huy động các nguồn lực, điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục KNS cho trẻ phù hợp với chất lượng giáo dục hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, M. H., Vũ, N. H., & Đặng, Q. B. (2006). *Quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04 ngày 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 về quy định quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Công văn số 463/BGDĐT-GDTrE ngày 28 tháng 01 năm 2015 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 về ban hành chương trình giáo dục mầm non*.
- Nguyễn, N. Q. (1989). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. B. (2011). *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, T. H. (2003). *Một số biện pháp tổ chức trò chơi học tập nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo lớn*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Quốc hội. (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, ngày 05 tháng 4 năm 2016*.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019*.
- Phan, T. Y. (2022). Quản lý giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 14(4), 52-59. Truy cập từ <https://jem.naem.edu.vn/article/6669>.
- Trần, K., & Nguyễn, X. T. (2015). *Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
- WHO. (1996). *Life skills education* <https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/338491/MNH-PSF-96.2.Rev.1-eng.pdf>
- Vũ, T. N. (2016). *Giáo dục kỹ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.